

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST

Ngày: 21-7-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 79/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương R (Trương BT), sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã TB, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn D, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương R trình bày: Vào ngày 15/3/2019 bà Nguyễn D có mượn của bà số tiền 130.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình. Lúc mượn tiền có làm biên nhận cho bà và có hứa cứ 02 tháng trả cho bà 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau đó, từ tháng 7/2019 đến tháng 6/2021 bà D có trả cho bà được số tiền 70.000.000 đồng, còn thiếu lại 60.000.000 đồng thì ngưng đến nay không trả nữa.

Nhiều lần bà đã yêu cầu bà D trả hết số tiền còn lại nhưng bà D cứ hẹn hết lần này đến lần khác cho đến nay không chịu trả tiền cho bà.

Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn D phải trả lại bà số tiền 60.000.000 đồng, trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn bà Nguyễn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét, căn cứ vào giấy nợ lập ngày 15/3/2019 thể hiện: Vào ngày 15/3/2019 bà Nguyễn D có mượn của bà Trương R số tiền 130.000.000 đồng và có hứa cứ 02 tháng trả cho bà Trương R 15.000.000 đồng. Theo bà Trương R trình bày thì từ tháng 7/2019 đến tháng 6/2021 bà D có trả cho bà R được tổng số tiền là 70.000.000 đồng, còn thiếu lại 60.000.000 đồng thì ngưng đến nay không trả nữa. Bà R đã nhiều lần yêu cầu bà D trả số tiền còn thiếu nhưng bà D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà R theo đúng với thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn bà Nguyễn D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không nộp bản tự khai; không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương R yêu cầu bị đơn bà Nguyễn D phải trả số tiền vốn vay còn nợ lại 60.000.000 đồng, là có căn cứ.

[6] Về thời hạn trả nợ, nguyên đơn bà Trương R yêu cầu trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật còn bị đơn bà Nguyễn D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương R.

Buộc bà Nguyễn D phải trả cho bà Trương R số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn D phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trương R 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002423 ngày 22/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX C;
- CCTHADSTX C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX C;
- CCTHADSTX C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Tiềm.

Ông Lê Văn Tám.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương R (Trương BT), sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã TB, thị xã C, Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn D, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương R.

Buộc bà Nguyễn D phải trả cho bà Trương R số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn D phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trương R 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002423 ngày 22/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)